

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 10.11.2021

HAI CON ĐƯỜNG HAI ĐIỂM ĐẾN KHÁC NHAU
Kinh Khema (Khemasuttam)

CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO (S.i, 57)

Giáo lý nghiệp báo dạy rằng những hành động tạo tác qua thân, khẩu, ý không tan biến theo thời gian mà tạo thành quả báo về sau. Người có hiểu biết ý thức rõ hệ quả của hành động. Người tạo nghiệp ác thường phải sống trong sự cắn rứt khi nhận ra sự tai hại của những gì đã làm chưa kể đến lúc gặt quả dị thực. Người sống hiền thiện thì đời này an lạc. đời sau cũng an lạc. Đức Phật cũng dạy về một viễn cảnh lớn hơn càng sống ác càng bản loạn trước cái chết. Ngược lại càng tích tạo nhiều phước hạnh càng an tâm khi rời bỏ đời này.



Kinh Văn

Ekamantaṃ t̥hito kho khemo devaputto bhagavato santike imā gāthāyo abhāsi

—
Đứng một bên, Thiên tử Khema nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

**“Caranti bālā dummedhā, amitteneva attanā;
Karontā pāpakaṃ kammaṃ, yaṃ hoti kaṭukapphalam.**

Kẻ ngu không trí tuệ,
Lấy ngã làm kẻ thù,
Tự làm các ác nghiệp,
Đưa đến quả đắng cay.

Bản hiệu đính

*“Người ác do thiếu trí,
Gây hại cho bản thân,
Vì làm bất thiện nghiệp,
Nên gặt hái quả đắng.*

**“Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā anutappati;
Yassa assumukho rodamaṃ, vipākaṃ paṭisevati.**

Nghiệp nào không khéo làm,
Làm xong bị nung nấu,
Vớ mặt đầy nước mắt,
Khóc lóc chịu quả báo.

Bản hiệu đính

*“Nghiệp tạo do vụng dại,
Làm rồi phải ăn năn,
Phải gánh chịu hệ quả,
Vớ nước mắt khóc than.*

**“Taṅca kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā nānutappati;
Yassa paṭīto sumano, vipākaṃ paṭisevati.**

Và nghiệp nào khéo làm,
Làm xong, không nung nấu,
Tâm vui, ý thoải mái,
Vị ấy hưởng quả báo.

Bản hiệu đính

*“Hạnh nghiệp khéo tạo tác,
Đã làm không hối hận,
Gặt quả báu tốt lành,
Vớ tâm tư hoan hỷ.*

**“Paṭikacceva [paṭigacceva (sī.)] taṃ kayirā, yaṃ jaññā hitamattano;
Na sākaṭikacintāya, mantā dhīro parakkame.**

[từ đoạn này về sau xem phần thích nghĩa]

“Biết điều lợi cho mình,
Làm trước điều phải làm,
Không tâm trạng đánh xe,
Kẻ trí lòng tinh tấn.

Bản hiệu đính

*“Khi biết điều lợi lạc,
Kẻ trí nhanh chóng làm,
Không đẩy đưa huờn dãi,
Như phu xe chân chừ.*

“Yathā sākaṭiko maṭṭhaṃ [panthaṃ (sī.), pasatthaṃ (syā. kaṃ.)], samaṃ hitvā mahāpathaṃ; Visamaṃ maggamaṅgalya, akkhacchinna jhāyati.

**“Evaṃ dhammā apakkamma, adhammanuvattiya;
Manda maccumukhaṃ patto, akkhacchinna jhāyati”’ti.**

Như người chủ đánh xe,
Rời đại đạo thẳng bằng,
Leo lên đường lối lổm,
Ưu tư nạn gãy trục.
Cũng vậy bỏ Chánh pháp,
Người ngu theo phi pháp,
Rơi vào miệng tử thần,
Ưu tư như gãy trục.

Bản hiệu đính

*“Cũng như người đánh xe,
Rời đường lớn bằng phẳng,
Đi vào nẻo gập ghềnh,
Lo buồn xe gãy trục.
“Người ngu rời chánh đạo,
Đi theo đường tà vạy,
Rơi vào miệng tử thần,
Như phu với xe hỏng.*



Thích văn

Caranti bālā dummedhā = Kẻ ngu hành xử thiếu trí
amitteneva attanā = Giống như kẻ thù của chính mình
Karontā pāpakaṃ kammaṃ = Tạo tác ác nghiệp

yaṃ hoti kaṭukapphalaṃ = Trĩ quả là trái đắng
Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu = Không tốt khi làm điều gì đó
yaṃ katvā anutappati = Mà làm rồi phải ăn năn
Yassa assumukho rodaṃ = Gạt lệ khóc than
vipākaṃ paṭisevati = Khi quả báo theo sau
Tañca kammaṃ kataṃ sādhu = Quả là tốt khi tạo nghiệp gì đó
yaṃ katvā nānutappati = Mà làm rồi không phải ân hận
Yassa paṭito sumano = Tâm tư thanh thản hân hoan
vipākaṃ paṭisevati = Khi quả báo theo sau
Paṭikacceva taṃ kayirā = Hãy hành động với sự cân nhắc
yaṃ jaññā hitamattano = Biết điều nào lợi lạc cho chính mình
Na sākaṭikacintāya = Không nên nghĩ ngợi như người đánh xe
mantā dhīro parakkame = Người hành động hành động kịp thời
Yathā sākaṭiko maṭṭhaṃ = Giống như người phu xe
samaṃ hitvā mahāpathaṃ = Rời đường lớn bằng phẳng
Visamaṃ maggamāruyha = Đi vào nẻo gập ghềnh
akkhacchinnova jhāyati = Âu lo xe bị hỏng
Evamaṃ dhammā apakkamma = Cũng vậy người rời xa chánh pháp
Adhammamanuvattiya = Đi vào đường phi pháp tà vạy
Mando maccumukhaṃ patto = Roi vào miệng thần chết
akkhacchinnova jhāyatī’ti = Như phu xe lo buồn xe bị hỏng



Thích nghĩa

Trong ba bản chánh tạng thì bản của Kỳ Trùng Tuyên Tam Tạng lần thứ VI đến hết bài kệ thứ ba có thêm chữ ‘ti có nghĩa là ba kệ ngôn đầu của thiên tử Khema và ba kệ ngôn sau của Đức Phật. Hai bản chánh tạng khác thì không thấy ghi có nghĩa là toàn văn đều là lời của thiên tử Khema.

Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng
 -ooOoo-

2. Khemasuttaṃ [Mūla]

103. Ekamantaṃ t̥hito kho khemo devaputto bhagavato santike imā gāthāyo abhāsi

–
“Caranti bālā dummedhā, amitteneva attanā;
Karontā pāpakaṃ kammaṃ, yaṃ hoti kaṭukapphalam.

“Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā anutappati;
Yassa assumukho rodaṃ, vipākaṃ paṭisevati.

“Tañca kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā nānutappati;
Yassa paṭito sumano, vipākaṃ paṭisevati.

“Paṭikacceva [paṭigacceva (sī.)] taṃ kayirā, yaṃ jaññā hitamattano;
Na sākaṭikacintāya, mantā dhīro parakkame.

“Yathā sākaṭiko maṭṭham [pantham (sī.), pasattham (syā. kaṃ.)], samaṃ hitvā
mahāpatham;
Visamaṃ maggamāruya, akkhacchinno va jhāyati.

“Evaṃ dhammā apakkamma, adhammamanuvattiya;
Mando maccumukham patto, akkhacchinno va jhāyatī”’ti.

1-2. Sivasuttādivaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

102. Tatiyavaggassa paṭhamaṃ vuttatthameva. Paṭhamaṃ.

103. Dutiye **paṭikaccevāti** paṭhamameva. **Akkhacchinno va jhāyatī**
akkhacchinno va jhāyati, balavacintanaṃ cinteti. Dutiya gāthāya **akkhacchinno va**
akkhacchinno va. Dutiyaṃ.